

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thu

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh NĐ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên họp:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải việc dân sự:

- Chị Vũ Thị D; sinh năm 1995; đăng ký hộ khẩu: Thôn TK, xã NT, huyện NH, tỉnh NĐ; hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

- Anh Trần Xuân T; sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn TK, xã NT, huyện NH, tỉnh NĐ.

Tại phiên họp: Anh T có mặt. Vắng mặt chị D.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tại bản tự khai, chị Vũ Thị D và anh Trần Xuân T đều trình bày:

Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24-3-2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NH, tỉnh NĐ.

Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại anh Trường sinh sống tại Việt Nam; còn chị D đang cư trú, làm việc tại Nhật Bản; do xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2017. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh ND công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Vũ Hà M, sinh ngày 17-4-2017. Hiện tại con chung đang ở cùng với anh Trường, anh chị ly hôn thỏa thuận giao cháu Trần Vũ Hà M cho anh Trường nuôi dưỡng và chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu My trưởng thành, lao động tự lập được.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Anh chị đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp sơ thẩm: Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung: Chị Vũ Thị D và anh Trần Xuân T tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24-3-2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NH, tỉnh ND, nên là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, chị D sinh sống tại Nhật Bản, còn anh T ở Việt Nam. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều thống nhất xin ly hôn và thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Vũ Hà M cho anh Trường nuôi dưỡng và chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M trưởng thành, lao động tự lập được. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung của chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Tòa án căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trường nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh ND nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp giải quyết vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Trần Xuân T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24-3-2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NH, tỉnh ND, nên là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, chị D đang sống ở Nhật Bản còn anh T sinh sống ở Việt Nam; chị D và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh ND công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị D và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Trần Vũ Hà M, sinh ngày 17-4-2017; hiện nay con chung đang ở cùng với anh T. Nay ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Trần Vũ Hà M cho anh T nuôi dưỡng và chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M trưởng thành, lao động tự lập được. Xét việc thỏa thuận của chị D và anh T về nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trường nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Trần Xuân T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Vũ Thị D và anh Trần Xuân T về việc nuôi dưỡng con chung, cụ thể là giao con chung Trần Vũ Hà M, sinh ngày 17-4-2017 cho anh T nuôi dưỡng và chị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu My trưởng thành, lao động tự lập được.

Chị D có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Trường. Anh T cùng

các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T, lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự do anh T nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh T đã nộp theo biên lai số 0006735 ngày 05-4-2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh ND. Anh Trường đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 04-7-2022.

Nơi nhận: - Các đương sự; - VKSND tỉnh ND; - Cục THADS tỉnh ND; - UBND xã NT, huyện NH, tỉnh ND; - Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.	THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP (đã ký) Vũ Thị Thu
---	---